TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **10**/2021/HS-ST
Ngày: 27/01/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Lan.

Bà Nguyễn Thị Kim Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thư Nhàn - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hồ Bá Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2021/TLST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức M (tên thường gọi là Q); Sinh ngày: 10/11/1990; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 372/20/5A đường TLM, khu phố N, phường BTĐ, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Đức H (chết) và bà: Nguyễn Thị P; Có vợ: Là bà Nguyễn Thị Hồng T và con: Có 04 người con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 23/5/2020.

Tiền án: Ngày 09/5/2017, bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 02 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản» (Bản án số: 51/2017/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/02/2018, nhưng chưa thi hành xong phần án phí (Phiếu thông tin phạm nhân ngày 17/11/2020 của Trại giam Tống Lê Chân và Phiếu cung cấp thông tin số: 1462/CCTHA ngày 28/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh).

Nhân thân: Ngày 08/8/2008, bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội «Cướp giật tài sản» (Bản án số: 121/2008/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/01/2009 và đã thi hành xong phần án phí ngày 23/3/2009 (Công văn trả lời xác minh số: 229/CV-TGPH

(HS) ngày 09/11/2020 của Trại giam Phước Hòa và Phiếu cung cấp thông tin số: 1463/CCTHA ngày 28/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh).

(có mặt)

- *Bị hại:*

Bà Ngô Thị Kim Q; Sinh năm: 1986; Thường trú: 24 đường HS, phường DH, quận LC, Thành phố Hải Phòng; Tạm trú: 15A5 chung cư 243 đường THĐ, Phường N, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Nguyễn Đức Đ; Sinh ngày: 22/4/2000; Trú tại: 135/17 đường THĐ, Phường N, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

2. Ông Đinh Hồng O; Sinh năm: Không rõ; Thường trú: 31B/12B, khu phố B, phường TK, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 23/5/2020, Nguyễn Đức M điều khiển xe gắn máy biển số 59C2-304.36 lưu thông trên đường Tân Hòa Đông thì phát hiện bà Ngô Thị Kim Q đang đứng mua trái cây tại trước nhà số 172 đường THĐ, Phường N, Quận F và trên vai bà Q có đeo 01 túi xách màu đen, nên nảy sinh ý định giật chiếc túi xách này. Để thực hiện ý định, M chạy xe vào trong hẻm 172 đường THĐ rồi dừng lại quan sát, theo dõi tìm cơ hội. Khoảng 05 phút sau, M điều khiển xe chạy ngược chiều (hướng từ giao lộ đường Phan Anh - đường Tân Hòa Đông về vòng xoay Phú Lâm). Sau đó, cho xe chạy lên áp sát bà Q, đồng thời dùng tay trái giật chiếc túi xách đang đeo trên vai bà Q rồi vọt xe tẩu thoát. Theo phản xạ, bà Q đưa tay chụp lại được túi xách, nên bị M kéo lê trên đường. Ngay lúc này, lực lượng cảnh sát giao thông đang làm nhiệm vụ gần đó nghe tiếng tri hô của bà Q liền đuổi theo bắt giữ M giao Công an Phường 14, Quận 6 giải quyết.

Vật chứng thu giữ: 01 túi xách da màu đen, có viền, dây đeo bằng kim loại dạng xích (bên trong túi xách có 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xanh đen và số tiền 430.000 đồng); 01 chiếc xe gắn máy biển số 59C2-304.36.

Tại Công an Phường 14, Quận 6 cũng như tại Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Nguyễn Đức M đều khai nhận nội dung như đã nêu trên.

Bị hại và người làm chứng khai cũng tương tự.

Theo Biên bản xét nghiệm chất ma túy ngày 23 tháng 5 năm 2020 của Bệnh viện Quận 6 thì Nguyễn Đức M dương tính với Amphetamine.

Theo Biên bản xem xét dấu vết thân thể ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Công an Quận 6, bà Ngô Thị Kim Q không có bất kỳ thương tích gì khi bị Nguyễn Đức M kéo lê trên đường.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 69/KL-HĐĐGTS ngày 27 tháng 8 năm 2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 6 đã kết luận trị giá của chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xanh đen, dung lượng 64Gb, Imei: 353926107062092 (tình trạng sử dụng còn khoảng 90%) tại thời điểm ngày 23/5/2020 là: 22.000.000 đồng.

Còn 01 túi xách da màu đen, có viền, dây đeo bằng kim loại dạng xích (tình trạng sử dụng còn khoảng 70%), do không cung cấp đầy đủ thông tin và đặc điểm của tài sản cần định giá, nên Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 6 không tìm thấy thông tin giá trị tài sản.

Tại Cáo trạng số: 05/CT-VKS-Q6 ngày 05 tháng 01 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức M về tội «Cướp giật tài sản» theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Đức M khai nhận chính bị cáo, đã sử dụng xe gắn máy biển số 59C2-304.36 (loại xe Yamaha Luvias, màu xám xi măng) thực hiện hành vi giật của bà Ngô Thị Kim Q 01 túi xách da màu đen, có dây đeo bằng kim loại dạng xích (bên trong túi xách có 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xanh đen và số tiền 430.000 đồng) tại trước nhà số 172 đường THĐ, Phường N, Quận F vào tối ngày 23/5/2020 và bị bắt quả tang như nội dung bản cáo trạng nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Đức M như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Nguyễn Đức M từ 05 năm đến 06 năm tù về tội «Cướp giật tài sản» theo điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Không phạt tiền đối với bị cáo, do bị cáo không có khả năng thi hành.

Về bồi thường thiệt hại: Bà Ngô Thị Kim Q không yêu cầu, nên không đề nghị giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc xe gắn máy biển số 59C2-304.36, có số khung: RLCL1SK10DY-003959, số máy: 1SK1-003966 (loại xe hai bánh từ 50-175cm^3, nhãn hiệu Yamaha, số loại Luvias, dung tích 124).

Còn các vật chứng khác, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã xử lý xong, nên không đề nghị xử lý.

Lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn Đức M nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật nên không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của bị cáo Nguyễn Đức M tại phiên tòa với Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; lời khai của bị hại Ngô Thị Kim Q và của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Đức M đã phạm tội «Cướp giật tài sản». Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Nguyễn Đức M đã dùng xe môtô biển số 59C2-304.36 (loại xe hai bánh từ 50-175cm^3, nhãn hiệu Yamaha, số loại Luvias, dung tích 124, số khung: RLCL1SK10DY-003959, số máy: 1SK1-003966) làm phương tiện để cướp giật của bà Ngô Thị Kim Q 01 túi xách da màu đen (loại có viền, dây đeo bằng kim loại dạng xích), bên trong túi xách có 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xanh đen trị giá 22.000.000 đồng và số tiền 430.000 đồng (tổng trị giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 22.430.000 đồng, riêng túi xách da màu đen không định giá được). Sau khi giật được túi xách, theo phản xạ bà Q nắm túi xách kéo lại, lúc này bị cáo đang tăng ga tẩu thoát, nên bà Q mới bị kéo lê trên đường, chứ bị cáo hoàn toàn không có hành vi chống trả lại bà Q hay những người đuổi theo bắt giữ bị cáo để tẩu thoát. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 truy tố bị cáo về tội «Cướp giật tài sản» thuộc trường hợp «Dùng thủ đoạn nguy hiểm» theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Đức M là quá liều lĩnh và táo bạo. Hành vi này không những đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, được pháp luật bảo vệ và gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an chung mà còn có thể dẫn đến tai

nạn giao thông, gây hậu quả khó lường cho tính mạng, sức khỏe của bị hại và của những người tham gia lưu thông nơi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

Bị cáo Nguyễn Đức M là người đã trưởng thành, bị cáo hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức được hành vi dùng xe mô tô làm phương tiện để cướp giật tài sản của người khác rồi nhanh chóng vọt xe tẩu thoát là hành vi nguy hiểm cho xã hội và được quy định trong Bộ luật hình sự, nhưng do tham lam, lười lao động, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài, mua ma túy sử dụng nhằm thỏa mãn cơn nghiện mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, mặc hậu quả xảy ra như thế nào, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[3] Bản thân bị cáo Nguyễn Đức M đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản (ngày 09/5/2017, bị Tòa án nhân dân Quận 6 xử phạt 01 năm 02 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản»), chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, bị cáo còn có nhân thân xấu, đó là ngày 08/8/2008, bị Tòa án nhân dân Quận 6 xử phạt 02 năm tù về tội «Cướp giật tài sản». Điều này cũng cho thấy tuy đã được cải tạo, giáo dục, bị cáo vẫn không chịu rèn luyện, tu dưỡng để trở thành người công dân có ích cho xã hội mà ngược lại vẫn tiếp tục sống buông thả để ngày càng lún sâu vào con đường phạm tội.

[4] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Đức M là rất nghiêm trọng. Mặt khác, cướp giật tài sản từ lâu đã trở thành vấn nạn nhức nhối, trở thành nỗi ám ảnh của không ít người dân, gây bức xúc trong dư luận, do đó Hội đồng xét xử thấy cần phạt bị cáo một mức án thật nghiêm khắc tương xứng mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và để phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo. Được bị hại bãi nại, đồng thời đề nghị giảm nhẹ hình phạt, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, thì bị cáo Nguyễn Đức M còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, đang ở cùng với gia đình, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Việc bồi thường thiệt hại: Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã xử lý trả 01 túi xách da màu đen (loại có viền, dây đeo bằng kim loại dạng xích); 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xanh đen, dung lượng 64Gb, Imei: 353926107062092 (bên trong có 01 sim điện thoại số 0879725701)

và số tiền 430.000 đồng cho bà Ngô Thị Kim Q. Tại phiên tòa, bà Q vắng mặt, nhưng tại Cơ quan điều tra bà Q không có ý kiến hay yêu cầu gì về phần bồi thường và đã làm đơn bãi nại cho bị cáo Nguyễn Đức M (theo Biên bản ghi lời khai và Đơn bãi nại cùng ngày 24/5/2020; Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 16/6/2020 của Công an Quận 6 - BL14, 15, 24, 95), do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Việc xử lý vật chứng: Chiếc xe gắn máy biển số 59C2-304.36 thu giữ của bị cáo Nguyễn Đức M, theo Kết luận giám định số: 4741/KLGĐ-X(Đ4) ngày 22/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL102) và Phiếu trả lời xác minh số: 0112 ngày 22/6/2020 của Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (BL92) thì chiếc xe có số khung: RLCL1SK10DY-003959, số máy: 1SK1-003966 (loại xe hai bánh từ 50-175cm^3, nhãn hiệu Yamaha, số loại Luvias, dung tích 124), đứng tên chủ xe là ông Đinh Hồng O, trú tại 31B/12B, khu phố B, phường TK, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, qua xác minh tại Công an phường TK, Quận B được biết tại địa chỉ trên không có ai tên Đinh Hồng O cư trú (BL107). Còn bị cáo khai mượn chiếc xe này của ông Nguyễn Đức Đ (em bị cáo). Tại phiên tòa ông Đ vắng mặt, nhưng tại Cơ quan điều tra ông Đ khai mua chiếc xe này từ một người bạn tên D (không rõ lai lịch) vào khoảng tháng 3/2020 với giá 4.000.000 đồng, nhưng không làm hợp đồng mua bán và xe cũng không có giấy tờ. Trong thời gian sử dụng, ông Đ tự ý sơn lại chiếc xe từ màu trắng đen thành màu xám xi măng. Tối ngày 23/5/2020, anh của ông Đ là bị cáo Nguyễn Đức M hỏi mượn xe đi công việc, nhưng sau đó lại sử dụng làm phương tiện phạm tội, ông Đ không biết (theo Biên bản ghi lời khai ngày 05/11/2020 của Công an Quận 6 - BL111, 112). Ngày 25/11/2020, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã đề nghị thông báo tìm chủ sở hữu của chiếc xe trên Báo Công an Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng đến nay vẫn không có ai đến nhận (Bl106). Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định chiếc xe gắn máy biển số 59C2-304.36 hiện chưa rõ chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, nên nếu trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng mà không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của chiếc xe thì tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Còn nếu xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của chiếc xe này thì trả lại cho họ.

(theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 79/PNK ngày 28 tháng 5 năm 2020 và Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Công an Quận 6; Quyết định chuyển vật chứng số: 05/QĐ-VKS-Q6 ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 6)

[8] Bị cáo Nguyễn Đức M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Đức M** (Q) phạm tội: «Cướp giật tài sản».

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức M** (Q) 05 (năm) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 23/5/2020.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc xe gắn máy biển số 59C2-304.36, có số khung: RLCL1SK10DY-003959, số máy: 1SK1-003966 (loại xe hai bánh từ 50-175cm^3, nhãn hiệu Yamaha, số loại Luvias, dung tích 124), nếu trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng mà không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của chiếc xe. Còn nếu xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của chiếc xe này thì trả lại cho họ.

- Căn cứ Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Đức M phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bị cáo Nguyễn Đức M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại Ngô Thị Kim Q; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND Quận 6;
- Công an Quận 6;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

Nguyễn Thị Thùy Liên